

Số: /QĐ-SYT

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Quy định phân công và tổ chức điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Thông tư liên tịch số 12/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 30/12/2008 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 5327/2003/QĐ-BYT ngày 13/10/2003 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định lấy mẫu thực phẩm và bệnh phẩm khi xảy ra ngộ độc thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;

Căn cứ Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế về việc Ban hành Quy định chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Quảng Trị tại Tờ trình số 43/TTr-ATTP ngày 03 /11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này Quy định phân công, tổ chức điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trưởng các phòng chuyên môn Sở Y tế; Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng Phòng Y tế, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục ATTP (để b/cáo);
- UBND tỉnh (để b/cáo);
- GD, P.GD Sở Y tế;
- UBND huyện, TX, TP;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY, CC ATVSTP.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Hùng

QUY ĐỊNH

Phân công và tổ chức điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT, ngày /11/2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nhiệm vụ, quy trình điều tra, xử lý vụ ngộ độc thực phẩm (NĐTP) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị gồm:

- Sở Y tế;
- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm;
- Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố và các phòng liên quan có chức năng quản lý lĩnh vực y tế cấp huyện (sau đây gọi là Phòng Y tế);
- Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Trung tâm Y tế);
- Trạm Y tế các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Trạm Y tế).

2. Các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị gồm:

- Đơn vị điều trị bao gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, bệnh viện Đa khoa khu vực Triệu Hải, các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, các Trung tâm Y tế tuyến huyện và các phòng khám đa khoa tư nhân (sau đây gọi là Đơn vị điều trị);
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố và các hộ gia đình nơi xảy ra vụ NĐTP trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Một số khái niệm liên quan

1. Thực phẩm là sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản. Thực phẩm không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất sử dụng như dược phẩm (Khoản 20, Điều 2 Luật An toàn thực phẩm năm 2010).

2. Ngộ độc thực phẩm là tình trạng bệnh lý do hấp thụ thực phẩm bị ô nhiễm hoặc có chứa chất độc (*Khoản 10, Điều 2 Luật An toàn thực phẩm năm 2010*).

3. Vụ ngộ độc thực phẩm là tình trạng ngộ độc cấp xảy ra với 2 người trở lên có dấu hiệu ngộ độc khi ăn cùng một loại thực phẩm tại cùng một địa điểm, thời gian. Trường hợp chỉ có một người mắc và bị tử vong cũng được coi là một vụ NĐTP (*Khoản 2, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

4. Mẫu thực phẩm là thức ăn, đồ uống còn lại sau bữa ăn của vụ NĐTP hoặc mẫu thực phẩm lưu, nguyên liệu dùng để chế biến thực phẩm (*Khoản 3, Điều 3 Quy chế Điều tra NĐTP ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

5. Mẫu bệnh phẩm là chất nôn, dịch hút dạ dày, phân, máu và các dịch sinh học khác của người bị NĐTP (*Khoản 4, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

6. Cơ sở nguyên nhân là cơ sở cung cấp bữa ăn mà bữa ăn đó là bữa ăn nguyên nhân (*Khoản 5, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

7. Bữa ăn nguyên nhân là bữa ăn gây ra ngộ độc thực phẩm hoặc là bữa ăn có thức ăn nguyên nhân (*Khoản 6, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

8. Thức ăn nguyên nhân là thức ăn gây ngộ độc thực phẩm hoặc là thức ăn có chứa căn nguyên (*Khoản 7, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

9. Căn nguyên là tác nhân gây ngộ độc thực phẩm, tác nhân gây ngộ độc thực phẩm có thể là các độc tố của vi sinh vật, các chất độc hoá học, chất độc tự nhiên có sẵn trong thực phẩm hoặc do thực phẩm bị hư hỏng, biến chất sinh ra (*Khoản 8, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

10. Điều tra ngộ độc thực phẩm là quá trình thực hiện các nội dung điều tra ban hành theo Quyết định này để xác định cơ sở nguyên nhân, bữa ăn nguyên nhân, thức ăn nguyên nhân và căn nguyên ngộ độc thực phẩm (*Khoản 9, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

Điều 4. Nguyên tắc và phân công tổ chức điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm

1. Nguyên tắc điều tra vụ NĐTP thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế điều tra NĐTP ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ Y tế.

2. Phân công đơn vị chủ trì điều tra vụ NĐTP: Một vụ NĐTP xảy ra chỉ có một đơn vị chủ trì điều tra. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì điều tra trong quá trình điều tra, xử lý vụ NĐTP.

a) Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh là đơn vị chủ trì điều tra đối với vụ NĐTP xảy ra tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh. Các vụ ngộ độc có tính phức tạp, vụ ngộ độc tập thể ≥ 30 người mắc/vụ.

b) Phòng Y tế trên địa bàn xảy ra vụ NĐTP là đơn vị chủ trì điều tra các vụ NĐTP còn lại.

3. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn: Bất kỳ vụ NĐTP nào xảy ra trên địa bàn tỉnh thì Trạm Y tế trên địa bàn xảy ra vụ NĐTP là đơn vị điều tra ban đầu ngay khi tiếp nhận thông tin vụ NĐTP hoặc nghi ngờ vụ NĐTP.

4. Đơn vị điều trị khi tiếp nhận bệnh nhân bị NĐTP hoặc nghi ngờ bị NĐTP có trách nhiệm cấp cứu, xử lý kịp thời, đồng thời thông tin đến đơn vị điều tra và phối hợp trong quá trình điều tra, xử lý vụ NĐTP.

Điều 5. Công tác chuẩn bị dự phòng cho hoạt động điều tra vụ NĐTP

Các cơ quan, đơn vị căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ động thành lập các Tổ cơ động sẵn sàng đáp ứng khi xảy ra vụ NĐTP và chuẩn bị đủ trang thiết bị, dụng cụ, thuốc, vật tư, hóa chất, biểu mẫu liên quan để tiến hành điều tra, xử lý vụ NĐTP, cụ thể:

1. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thành lập Tổ điều tra vụ NĐTP.

2. Phòng Y tế phối hợp với Trung tâm Y tế thành lập Tổ điều tra vụ NĐTP.

3. Đơn vị điều trị chủ động thành lập Tổ cấp cứu cơ động.

4. Trạm Y tế thành lập Tổ cấp cứu và điều tra ban đầu vụ NĐTP.

Chương II

CHẾ ĐỘ KHAI BÁO THÔNG TIN BAN ĐẦU

Điều 6. Khai báo từ người mắc hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Bất kể ai khi bị hoặc phát hiện NĐTP hoặc các bệnh truyền qua thực phẩm đều phải khai báo đến cơ quan y tế gần nhất như:

- Trạm Y tế;

- Trung tâm Y tế, Phòng Y tế;
- Đơn vị điều trị;
- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Ngoài ra có thể khai báo đến Ban Quản lý Khu kinh tế (đối với trường hợp vụ NĐTP xảy ra tại bếp ăn tập thể khu công nghiệp); Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường hợp vụ NĐTP xảy ra tại bếp ăn thuộc cơ sở giáo dục).

2. Các cơ quan, đơn vị cung cấp công khai đường dây nóng để tổ chức, cá nhân tiến hành khai báo thông tin về vụ NĐTP hoặc nghi ngờ vụ NĐTP.

Điều 7. Khai báo từ đơn vị tiếp nhận thông tin

1. Trạm Y tế, đơn vị khi tiếp nhận thông tin vụ NĐTP hoặc nghi ngờ vụ NĐTP tiến hành thu thập và báo cáo sơ bộ đến Trung tâm Y tế (qua tin nhắn, điện thoại, văn bản,...) về các nội dung điều tra ban đầu gồm:

- Thông tin hành chính liên quan đến người có triệu chứng nghi ngờ NĐTP (họ tên, tuổi, giới tính, địa chỉ);
- Địa điểm, địa chỉ xảy ra vụ việc (nêu rõ địa điểm là trường học, cơ quan, đơn vị, hộ gia đình,... và địa chỉ cụ thể);
- Loại hình xảy ra vụ việc (gia đình, bếp ăn tập thể, nhà hàng, khách sạn, đám cưới/giỗ, thức ăn đường phố, khác...);
- Thời gian xảy ra vụ việc (thời gian xuất hiện triệu chứng nghi ngờ NĐTP đầu tiên);
- Tổng số người ăn, số người mắc, số người nhập viện, số người tử vong (tính đến thời điểm tiếp nhận khai báo);
- Các triệu chứng chính;
- Bữa ăn nghi ngờ, các món ăn, đồ uống liên quan.
- Những hoạt động trước khi phát bệnh, về bữa ăn, thức ăn mà họ đã ăn.
- Kiểm tra bệnh phẩm, thực phẩm thừa, chất ô nhiễm và lưu giữ mẫu để phục vụ cho hoạt động điều tra.

2. Đơn vị điều trị khi tiếp nhận các bệnh nhân bị NĐTP hoặc nghi ngờ bị NĐTP có trách nhiệm thực hiện chế độ khai báo thông tin về Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm hoặc Trung tâm Y tế trên địa bàn. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm hoặc Trung tâm Y tế chỉ đạo Trạm Y tế khai báo thông tin ban đầu theo Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Xác minh thông tin

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm hoặc Phòng Y tế khi tiếp nhận thông tin về vụ NĐTP hoặc nghi ngờ vụ NĐTP có trách nhiệm xác minh thông tin và xác định đơn vị chủ trì điều tra. Trường hợp xác minh là vụ NĐTP, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm hoặc Phòng Y tế căn cứ Điều 4 Quy định này xác định đơn vị chủ trì điều tra để tiến hành quy trình điều tra, xử lý vụ NĐTP. Trường hợp xác minh không phải vụ NĐTP hoặc chưa đủ căn cứ xác định là vụ NĐTP, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm hoặc Phòng Y tế báo cáo vụ việc về cơ quan quản lý cấp trên.

Chương III

QUY TRÌNH ĐIỀU TRA, XỬ LÝ VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Điều 9. Công tác chỉ đạo, phối hợp

1. Đơn vị chủ trì điều tra tiến hành báo cáo sơ bộ tình hình diễn biến vụ NĐTP về cơ quan quản lý cấp trên và Sở Y tế. Trường hợp cần thiết, tham mưu Sở Y tế kiến nghị UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo xử lý.

2. Đơn vị chủ trì điều tra phối hợp Chính quyền địa phương, Phòng Y tế, các đơn vị liên quan chỉ đạo triển khai các hoạt động điều tra, xử lý, khắc phục kịp thời hậu quả vụ NĐTP; Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế trong trường hợp vụ NĐTP xảy ra tại bếp ăn tập thể khu công nghiệp; Phối hợp với Phòng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp vụ NĐTP xảy ra tại bếp ăn cơ sở giáo dục để triển khai các hoạt động điều tra, xử lý vụ NĐTP.

3. Tùy theo tình hình thực tế, Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị điều trị khẩn trương huy động nhân lực, trang thiết bị, vật tư y tế để kịp thời cấp cứu, điều trị các bệnh nhân bị NĐTP theo đúng quy trình, quy định chuyên môn.

4. Trường hợp Phòng Y tế là đơn vị chủ trì điều tra vụ NĐTP, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm phối hợp, hỗ trợ Phòng Y tế trong quá trình điều tra, xử lý vụ NĐTP khi có chỉ đạo của Sở Y tế hoặc đề nghị hỗ trợ, hướng dẫn của Phòng Y tế. Trường hợp Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm là đơn vị chủ trì điều tra vụ NĐTP, Phòng Y tế phối hợp với Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình điều tra, xử lý vụ NĐTP trên địa bàn quản lý.

Điều 10. Quy trình điều tra, xử lý

1. Công tác điều tra: Đơn vị chủ trì điều tra phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan trực tiếp điều tra theo các nội dung sau:

a) Điều tra người mắc, người ăn, người liên quan đến vụ NĐTP

- Tình hình phát bệnh: Xác định người bị NĐTP có đi ăn liên hoan ở đâu về không; Điều tra một cách cụ thể về những trường hợp đã ăn phát bệnh, triệu chứng của người phát bệnh; xác định sự nung bệnh, thể chất, trạng thái sức khỏe của người bệnh;

- Tình hình ăn: Xác nhận xem cả nhóm người có ăn chung một thức ăn hay không (hội nghị, du lịch, bếp ăn tập thể,...). Nếu có được thực đơn trong

bữa ăn chung thì điều tra ngay về tình hình ăn. Trường hợp chưa xác định rõ bữa ăn chung (thức ăn chung), cần điều tra tình hình ăn, nội dung bữa ăn trước khi bệnh nhân phát bệnh. Phát hiện tính đặc thù của bữa ăn (cá nóc, con hào sống, tiết canh, nội tạng động vật, nấm, rau rừng,...). Điều tra về nước uống (nước giếng, nước suối,...);

- Nội dung khác: Điều tra người phát bệnh hoặc người có triệu chứng khác thường nhưng không ăn loại thực phẩm nguyên nhân; Tình hình đặc thù tại gia đình, nơi sản xuất, kinh doanh. Trường hợp đoàn du lịch bị NĐTP cần điều tra kế hoạch, lịch trình du lịch, các địa điểm và hoạt động ăn nghỉ của đoàn. Đối với đối tượng là học sinh, các cháu nhỏ lưu ý không gây ám thị, không gây ấn tượng về món ăn nào; Đối với trẻ sơ sinh, cần hỏi tình hình từ người mẹ; Đối với những người có triệu chứng giả ngộ độc cần chú ý có trường hợp phát sinh do tình hình xung quanh, do đồn đại. Trường hợp nghi tới nguyên nhân do động vật nuôi làm cảnh (chó, mèo,...) cần điều tra các kênh truyền nhiễm. Đối với những người nước ngoài, người mới nhập cảnh, cần điều tra hoạt động của người đó ở nước ngoài (nơi ăn, nghỉ) trước khi phát bệnh.

b) Điều tra cơ sở thực phẩm

- Xác nhận cơ sở: Đơn vị điều tra căn cứ vào thông tin điều tra ban đầu để xác nhận có đúng cơ sở đó là đối tượng hay không (địa chỉ, số nhà, số điện thoại của cơ sở) rồi mới vào điều tra;

- Điều tra về quá trình chế biến, cung cấp thực phẩm: Điều tra về thực phẩm bệnh nhân đã ăn; số lượng cung cấp; nguồn gốc nguyên liệu thực phẩm; quá trình sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm. Phát hiện các yếu tố nguy cơ như các nguồn truyền nhiễm, sơ suất trong quá trình sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm;

- Điều tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở: Điều tra về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ của cơ sở, thực hành của nhân viên tiếp xúc thực phẩm. Lưu ý đến tình hình vệ sinh trong khu vực chế biến; tình hình sử dụng thiết bị nước và nguồn nước; khu vực bảo quản, phương tiện vận chuyển thực phẩm; phương pháp thu gom, xử lý chất thải; nguồn nguy cơ côn trùng động vật gây hại xâm nhập. Đối với nhân viên tiếp xúc với thực phẩm, điều tra về tình hình sức khỏe, hồi cứu mắc bệnh từ 1-2 tuần trước hay không, vệ sinh và các vết thương hở trên bàn tay, thực hành về an toàn thực phẩm.

c) Điều tra tại đơn vị cấp cứu, điều trị bệnh nhân bị NĐTP

- Điều tra qua nhân viên y tế về thời điểm và triệu chứng khi nhập viện; Chẩn đoán ban đầu, xử lý của cơ sở cấp cứu, điều trị; Kết quả cận lâm sàng của bệnh nhân; Thu thập các mẫu bệnh phẩm, tình hình diễn biến của bệnh nhân,...;

- Trường hợp có người mắc NĐTP tử vong: Cần điều tra nhân viên y tế và những người có liên quan về thời gian, diễn biến bệnh kể từ khi bệnh nhân phát

bệnh đến lúc tử vong; yếu tố liên quan từ những người khác (gia đình, họ hàng),...

2. Công tác lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu:

Trạm Y tế khi tiếp nhận thông tin vụ NĐTP khẩn trương tiếp cận địa điểm xảy ra vụ NĐTP và tổ chức niêm phong mẫu thực phẩm để bàn giao cho đơn vị chủ trì điều tra vụ NĐTP. Đơn vị điều trị bệnh nhân bị NĐTP tiến hành lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản và bàn giao cho đơn vị chủ trì điều tra trong trường hợp cần thiết.

Mẫu thực phẩm, bệnh phẩm phải được bảo quản lạnh trong hộp xốp, bình cách nhiệt có chứa đá hoặc đá khô trong suốt quá trình vận chuyển. Riêng đối với thực phẩm khô, đồ hộp không cần bảo quản lạnh.

Mẫu sau khi lấy phải được chuyển ngay về phòng kiểm nghiệm và bảo quản theo các yêu cầu tại Điều 12 của Quy định về lấy mẫu thực phẩm và bệnh phẩm khi xảy ra ngộ độc thực phẩm được ban hành kèm theo Quyết định số 5327/2003/QĐ-BYT ngày 13/10/2003 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định về lấy mẫu thực phẩm và bệnh phẩm khi xảy ra NĐTP.

Tất cả các mẫu thực phẩm, mẫu bệnh phẩm phải được kiểm nghiệm ngay trong vòng 24 giờ. Nếu quá năng lực kiểm nghiệm thì phòng kiểm nghiệm phải gửi ngay mẫu đến phòng kiểm nghiệm tuyến trên.

a. Lấy mẫu từ người mắc, người ăn và người liên quan:

- Mẫu phân.
- Chất nôn.
- Chất ô nhiễm.
- Thực phẩm còn thừa.
- Mẫu máu của người mắc.
- Người mắc bị chết do nghi ngờ bị ngộ độc thực phẩm, cần xử lý bằng giải phẫu bệnh lý. Việc kiểm tra qua giải phẫu bệnh lý cần căn cứ vào chế độ giám sát pháp y, tất cả các mẫu máu, mẫu nội tạng, phân, tuỷ sống v.v của người chết đều phải được đưa về kiểm tra tại các viện nghiên cứu.

b. Lấy mẫu kiểm tra từ các cơ sở và các kênh lưu thông thực phẩm:

Lấy những mẫu kiểm tra cần thiết trong số các loại nêu dưới đây từ các cơ sở thực phẩm (cơ sở sản xuất, kinh doanh, nghi ngờ là cơ sở nguyên nhân) và các kênh lưu thông thực phẩm (cửa hàng bán lẻ, nơi chế biến, cửa hàng bán buôn, nơi giao nhận).

- Thực phẩm kiểm tra.
- Thực phẩm thừa.

- Thực phẩm tham khảo gồm cả nguyên liệu thực phẩm.
- Dụng cụ nấu nướng, đồ đựng, bao gói, que lau tủ lạnh, tủ đá.
- Khăn giấy lau chùi tay.
- Ngón tay, vết đứt tay của người làm việc trong bếp ăn.
- Nước sử dụng (nước giếng, nước trong bể chứa).
- Mẫu phân của người làm việc tại nơi nấu nướng.
- Chất phụ gia, tẩy rửa, khử trùng, tiệt trùng có khả năng bị lẫn vào thực phẩm.
- Các chất mẫu kiểm tra khác (phân chuột, phân vật nuôi làm cảnh, nước thải trong rãnh thoát nước).

c. Khi lấy mẫu kiểm tra phải điều tra những nội dung sau:

- Tình hình tồn tại từ khi sản xuất đến khi bán hàng.
- Mối quan hệ giữa nhiệt độ bảo quản với thời gian để mẫu (để máy tiếng trong điều kiện nhiệt độ phòng, nhiệt độ lạnh, nhiệt độ không khí bên ngoài).

d. Quá trình lấy mẫu: Lấy mẫu theo yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm vệ sinh an toàn, không nhầm lẫn, không gây ô nhiễm chéo các chất độc hại và vi sinh vật trong quá trình lấy mẫu, dán tem niêm phong mẫu (*theo Mẫu 2*) và ghi biên bản lấy mẫu (*theo Mẫu 3*).

e. Bảo quản và vận chuyển mẫu:

- Mẫu kiểm tra sau khi lấy được phải cho vào hộp có đá làm lạnh, đậy nắp chặt rồi mới vận chuyển để đề phòng mẫu bị ô nhiễm, tăng sinh vi khuẩn và bị biến đổi theo thời gian.
- Mẫu kiểm tra phải được gửi đến đơn vị nghiệm hoặc ngay trong ngày lấy mẫu.

đ) Gửi mẫu đến phòng kiểm nghiệm: Các mẫu phẩm được gửi kiểm nghiệm tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh hoặc các Viện Kiểm nghiệm nhằm làm rõ nguyên nhân của vụ NĐTP. Đơn vị gửi mẫu căn cứ đặc điểm dịch tễ, biểu hiện lâm sàng... cần đưa ra nhận định sơ bộ căn nguyên gây ngộ độc, chỉ định cụ thể chỉ tiêu kiểm nghiệm trong biên bản bàn giao mẫu (*theo Mẫu 4*) để phòng kiểm nghiệm có căn cứ thực hiện. Chuyển mẫu cần phân tích đến phòng kiểm nghiệm trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lấy mẫu.

3. Công tác cấp cứu, điều trị: Đơn vị điều trị kịp thời cấp cứu, điều trị các bệnh nhân bị NĐTP theo đúng quy trình, quy định chuyên môn. Trường hợp cần thiết, quyết định việc chuyển bệnh nhân lên tuyến trên để điều trị hoặc đề nghị cơ sở điều trị tuyến trên hỗ trợ chuyên môn, đồng thời phối hợp với đơn vị chủ trì điều tra cung cấp mẫu bệnh phẩm, hồ sơ, bệnh án, thông tin liên quan để phục vụ công tác điều tra, xử lý.

4. Công tác xử lý môi trường: Tổ phòng chống dịch của Trung tâm Y tế xử lý môi trường, đánh giá dịch tễ và lấy mẫu liên quan (đất, nước, không khí) để kiểm nghiệm khi cần thiết. Căn cứ vào tình hình thực tế có thể tham mưu cấp trên đề nghị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh hỗ trợ trong công tác xử lý môi trường.

5. Lập biên bản làm việc, biên bản điều tra: Căn cứ vào tình hình diễn biến vụ NĐTP, triệu chứng của bệnh nhân, chẩn đoán của đơn vị điều trị và các kết quả điều tra ban đầu của cơ quan chủ trì điều tra và các cơ quan liên quan, Tổ điều tra tổng hợp, nhận định, đánh giá ban đầu về vụ NĐTP, lập biên bản làm việc tại đơn vị y tế, hộ gia đình (*theo Mẫu 1A*), biên bản điều tra tại cơ sở thực phẩm (*theo Mẫu 1B*); Đồng thời định hướng về các chỉ tiêu kiểm nghiệm mẫu để xác định nguyên nhân vụ NĐTP.

6. Báo cáo nhanh: Đơn vị chủ trì điều tra tiến hành báo cáo nhanh về cơ quan quản lý cấp trên, Sở Y tế, UBND tỉnh và Cục An toàn thực phẩm kết quả quá trình điều tra, xử lý vụ NĐTP; Đồng thời kiến nghị cơ quan cấp trên, Cục An toàn thực phẩm, các Viện chuyên ngành Trung ương hỗ trợ điều tra, xử lý môi trường, khắc phục hậu quả vụ NĐTP khi cần thiết.

7. Báo cáo vụ ngộ độc thực phẩm: Báo cáo vụ NĐTP thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định chế độ báo cáo và biểu mẫu báo cáo về an toàn thực phẩm thuộc quản lý của ngành y tế.

- Báo cáo ban đầu vụ NĐTP (*theo Mẫu 5A*): Trạm Y tế nơi xảy ra vụ NĐTP báo cáo ngay Trung tâm Y tế/Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm chậm nhất 24 giờ kể từ khi xảy ra vụ NĐTP;

- Báo cáo kết thúc vụ NĐTP (*theo Mẫu 5B*): Trung tâm Y tế nơi xảy ra vụ NĐTP báo cáo cập nhật kịp thời tình hình kết quả điều tra về Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và báo cáo kết thúc vụ NĐTP chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ thời gian mắc ca NĐTP cuối cùng. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm báo cáo Cục An toàn thực phẩm chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ thời gian mắc ca NĐTP cuối cùng.

8. Kiến nghị các biện pháp xử lý: Căn cứ kết quả và báo cáo điều tra vụ NĐTP, cơ quan điều tra nghiên cứu và đưa ra các biện pháp xử lý để phòng ngừa NĐTP. Tùy theo mức độ, tính chất, nguyên nhân, hậu quả của vụ NĐTP kiến nghị cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân vi phạm để xảy ra vụ NĐTP.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm chung

1. Các đơn vị trong ngành y tế cung cấp công khai số điện thoại đường dây nóng để tổ chức, cá nhân tiến hành khai báo thông tin khi xảy ra vụ NĐTP hoặc nghi ngờ vụ NĐTP.

2. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, các cơ quan, đơn vị chủ động thành lập Tổ cơ động sẵn sàng đáp ứng khi xảy ra vụ NĐTP; Thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng phó khi xảy ra vụ NĐTP cho cán bộ, nhân viên y tế của đơn vị; Phối hợp với đơn vị chủ trì điều tra và các đơn vị liên quan trong quá trình điều tra, xử lý vụ NĐTP.

Điều 12. Sở Y tế

1. Phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã và các đơn vị liên quan triển khai xử lý, khắc phục hậu quả vụ NĐTP. Xem xét kiến nghị Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo (khi cần thiết).

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phối hợp với đơn vị điều tra triển khai điều tra, xử lý, khắc phục hậu quả vụ NĐTP.

3. Phối hợp với các sở, ngành liên quan (Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Sở Du lịch, Công an, Cục Quản lý thị trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam, ...) đề nghị cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan thuộc lĩnh vực được phân công quản lý phục vụ công tác điều tra, xử lý vụ NĐTP.

Điều 13. Chi cục An toàn thực phẩm

1. Là cơ quan đầu mối, tham mưu cho Sở Y tế về công tác quản lý NĐTP trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao kỹ năng điều tra ứng phó khi xảy ra vụ NĐTP cho cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm, cán bộ, nhân viên y tế của Tổ cơ động tại các đơn vị và nâng cao kiến thức, hiểu biết phòng chống ngộ độc thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng.

2. Chịu trách nhiệm trước Sở Y tế, UBND cấp tỉnh đối với vụ NĐTP có cơ sở để xảy ra vụ NĐTP thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh. Chủ trì điều tra các vụ NĐTP theo Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ, phối hợp Phòng Y tế điều tra đối với vụ NĐTP do Phòng Y tế chủ trì điều tra khi có chỉ đạo của Sở Y tế hoặc đề nghị của Phòng Y tế.

4. Báo cáo về Cục An toàn thực phẩm, UBND tỉnh, Sở Y tế khi có vụ NĐTP xảy ra và báo cáo định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 14. Phòng Y tế

1. Chủ trì điều tra vụ NĐTP theo Điểm b, Khoản 2, Điều 4 Quy định này

2. Tham mưu UBND cấp huyện về công tác quản lý NĐTP trên địa bàn. Phối hợp với Trung tâm Y tế và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao kỹ năng điều tra ứng phó khi xảy ra vụ NĐTP cho cán bộ, nhân viên y tế tham gia điều tra, xử lý vụ NĐTP trên địa bàn và nâng cao kiến thức, hiểu biết phòng chống ngộ độc thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng.

3. Chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện, Sở Y tế đối với vụ NĐTP có cơ sở để xảy ra vụ NĐTP thuộc thẩm quyền quản lý của cấp huyện.

4. Phối hợp với Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình điều tra, xử lý các vụ NĐTP xảy ra trên địa bàn.

5. Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn thực phẩm và hạn chế vụ NĐTP xảy ra trên địa bàn.

6. Báo cáo về Sở Y tế qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm khi có vụ NĐTP xảy ra và báo cáo định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 15. Trung tâm Y tế

1. Phối hợp với Phòng Y tế trong việc điều tra các vụ NĐTP thuộc tuyến huyện chủ trì theo Điểm c, Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

2. Phối hợp với Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm điều tra, xử lý các vụ NĐTP xảy ra trên địa bàn do Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm chủ trì điều tra.

3. Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn thực phẩm và hạn chế vụ NĐTP xảy ra trên địa bàn.

4. Sẵn sàng bố trí nhân lực, thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế tham gia xử lý vụ NĐTP. Tiếp nhận, cấp cứu, điều trị, theo dõi tình trạng của các bệnh nhân NĐTP và kịp thời chuyển bệnh nhân bị NĐTP nặng đến các cơ sở y tế tuyến trên khi cần thiết.

5. Lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản và giao cho đơn vị chủ trì điều tra để gửi kiểm nghiệm xác định nguyên nhân vụ NĐTP trong trường hợp cần thiết.

6. Phối hợp với Phòng Y tế điều tra, xử lý, tổng hợp nhanh báo cáo kết quả của vụ NĐTP do tuyến huyện chủ trì.

Điều 16. Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, tuyến huyện, và phòng khám đa khoa tư nhân

1. Sẵn sàng bố trí nhân lực, thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế tham gia xử lý vụ NĐTP. Tiếp nhận, cấp cứu, điều trị, theo dõi tình trạng của các bệnh nhân NĐTP và kịp thời chuyển bệnh nhân bị NĐTP nặng đến các cơ sở y tế tuyến trên khi cần thiết.

2. Lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản và bàn giao cho đơn vị chủ trì điều tra để gửi kiểm nghiệm xác định nguyên nhân vụ NĐTP trong trường hợp cần thiết;

3. Phối hợp Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Y tế cung cấp hồ sơ bệnh án, các kết quả xét nghiệm lâm sàng, cận lâm sàng và các thông tin liên quan phục vụ công tác điều tra, xử lý vụ NĐTP.

Điều 17. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh

Phối hợp với Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Y tế huyện thị xã, thành phố, điều tra, tổ chức lấy các mẫu liên quan đến vụ ngộ độc, xử lý môi trường, triển khai các biện pháp ngăn chặn sự lây lan dịch bệnh khi cần thiết; Kiểm nghiệm hoặc gửi mẫu thực phẩm, bệnh phẩm để xác định nguyên nhân vụ NĐTP.

Điều 18. Trạm Y tế

1. Tham mưu UBND cấp xã triển khai các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn thực phẩm và hạn chế NĐTP xảy ra trên địa bàn. Chịu trách nhiệm trước UBND cấp xã đối với:

a) Vụ NĐTP có cơ sở để xảy ra vụ NĐTP thuộc thẩm quyền quản lý của cấp xã.

b) Vụ NĐTP xảy ra tại hộ gia đình hoặc thuộc loại hình kinh doanh thức ăn đường phố hoặc bữa cỗ tập trung đông người tổ chức tại cộng đồng.

2. Trạm Y tế khi tiếp nhận thông tin vụ NĐTP

a) Tổ chức sơ cứu, cấp cứu các bệnh nhân bị NĐTP và kịp thời chuyển bệnh nhân đến các đơn vị điều trị trong trường hợp cần thiết.

b) Khẩn trương tiếp cận địa điểm xảy ra vụ NĐTP, tiến hành điều tra ban đầu, tổ chức niêm phong khu vực có mẫu thực phẩm để bàn giao cho đơn vị chủ trì điều tra.

c) Phối hợp đơn vị chủ trì điều tra trong quá trình điều tra, xử lý vụ NĐTP.

3. Báo cáo UBND xã, Phòng Y tế, Trung tâm Y tế khi có vụ NĐTP xảy ra và báo cáo định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu.

.....
.....
.....
.....

4. Lấy mẫu thực phẩm

.....
.....
.....
.....

III. Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ/ ĐƠN VỊ LÀM VIỆC

.....
.....
.....

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....
.....

Buổi làm việc kết thúc lúc giờ cùng ngày.
Biên bản được lập thành 02 bản, Đoàn điều tra Chi cục ATVSTP giữ 01 bản,
đơn vị làm việc giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LÀM VIỆC

ĐẠI DIỆN ĐOÀN/TỔ ĐIỀU TRA

Mẫu 1B - Biên bản điều tra vụ ngộ độc thực phẩm
(**Tại cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm**)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP ĐIỀU TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN
ĐIỀU TRA VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM
(*Tại cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm*)

Hôm nay, vào hồi giờ..... ngày tháng năm, Đoàn/ Tổ điều tra vụ ngộ độc thực phẩm của theo Quyết định số ngày...../...../..... tiến hành điều tra tại cơ sở:

I. THÀNH PHẦN

.....
.....
.....

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở:
2. Đại diện cơ sở:
3. Địa chỉ :
4. Điện thoại: Fax:

III. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

A. Điều tra ban đầu

1. Thời gian xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm:
2. Địa điểm ăn uống:
3. Bữa ăn nguyên nhân:
4. Thức ăn nguyên nhân:
5. Tổng số người ăn:
6. Tổng số người mắc:
7. Tổng số người tử vong:
8. Tổng số người được điều trị tại Trạm Y tế:
9. Tổng số người được điều trị tại Trung tâm Y tế (Bệnh viện):
10. Người mắc đầu tiên: Tuổi: Thời gian mắc:
Triệu chứng:.....
11. Người mắc cuối cùng: Tuổi: Thời gian mắc:
Triệu chứng:

.....

B. Điều tra tại cơ sở

1. Hồ sơ, thủ tục về an toàn thực phẩm

- Giấy chứng nhận ĐKKD số: Ngày cấp:
- Nơi cấp:
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATVSTP số:
- Ngày cấp Nơi cấp
- Giấy xác nhận sức khỏe: Số đăng ký: Số thực tế:
- Xét nghiệm phân (nếu thuộc đối tượng phải XN):
- Tập huấn kiến thức ATTP có xác nhận của chủ cơ sở:
- Số đăng ký: Số thực tế:
- Hồ sơ nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến:
-
- Nguồn nước sản xuất/chế biến
-

2. Điều kiện thực tế

- Địa điểm:
-
- Diện tích:
- Thiết kế, kết cấu:
-
- Khu vực bảo quản thực phẩm.....
- Nhà vệ sinh.....
- Nơi thay đồ bảo hộ lao động.....
- Cống rãnh thoát nước.....
- Hệ thống xử lý chất thải.....
- Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến bao gói, bảo quản, vận chuyển:
-
- Phương tiện rửa tay, khử trùng tay.....
- Thiết bị phòng chống côn trùng.....
- Nguồn nước sản xuất, chế biến thực phẩm/thức ăn:
-
- Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến:
-
- Bao bì/dụng cụ chứa đựng thực phẩm/thức ăn:
-
- Sức khỏe/bệnh truyền nhiễm cấp tính của người sản xuất/chế biến:
-
- Các nội dung khác có liên quan:
-

3. Thực hành ATVSTP của người chế biến, phục vụ ăn uống

- Số lượng:
- Tiền sử bệnh tật:
-
- Bệnh tật hiện tại:
-

- Khám sức khỏe, xét nghiệm phân định kỳ (Số lượng/Tổng số):
-
- Tập huấn kiến thức ATVSTP (Số lượng/Tổng số):
- Vệ sinh cá nhân:
-
- Đo độ trang sức ở tay:
-
- Mang trang phục theo quy định:
-
- Thực hành bảo quản thực phẩm:
-

4. Kiểm thực ba bước và lưu mẫu thực phẩm

- Số kiểm thực ba bước:
-
- Số lưu mẫu thực phẩm:
- Thực hành Kiểm thực ba bước và lưu mẫu thực phẩm:
-
-

5. Các nội dung khác:

IV. LẤY MẪU THỰC PHẨM

TT	Tên mẫu thực phẩm	Số lượng	Ngày lưu mẫu	Ngày lấy mẫu	Ghi chú

V. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

VI. Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ

Buổi làm việc kết thúc lúc giờ cùng ngày.

Biên bản được lập thành 02 bản, Đoàn/Tổ điều tra giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Mẫu 2 - Tem niêm phong mẫu**TEM NIÊM PHONG MẪU**

Cán bộ lấy mẫu	TEM NIÊM PHONG MẪU	Đại diện cơ sở được lấy mẫu
Trưởng Đoàn/Tổ điều tra	Tên mẫu	
..... ngày...../...../.....	Mã số mẫu ngày...../...../.....

Mẫu 3 - Biên bản lấy mẫu ngộ độc thực phẩm

(ĐƠN VỊ CẤP TRÊN)
(ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP ĐIỀU TRA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LẤY MẪU NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Tên cơ sở xảy ra ngộ độc:.....
Thời gian tiến hành lấy mẫu : giờ.....ngày tháng năm.....
Đại diện Đoàn/Tổ điều tra

.....
.....
.....

Đại diện cho cơ sở xảy ra ngộ độc:

.....
.....

Mẫu thực phẩm, bệnh phẩm thu thập

STT	Tên mẫu	Khối lượng mẫu (g)	Thể tích mẫu (ml)

Biên bản được lập thành 2 bản, Đoàn/Tổ điều tra giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản.

....., ngày ... tháng... năm.....
Trưởng Đoàn/Tổ điều tra

Cán bộ lấy mẫu

Đại diện cơ sở

Mẫu 4 - Biên bản bàn giao mẫu thực phẩm, bệnh phẩm**(ĐƠN VỊ CẤP TRÊN)
(ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP ĐIỀU TRA)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẪU

Số:/BB-BGMNĐ

Hôm nay, vào hồi giờ ngày tại

Đại diện cơ quan kiểm nghiệm (Bên nhận mẫu) tiến hành nhận mẫu do Đại diện Đoàn/Tổ điều tra vụ ngộ độc thực phẩm của(bên giao mẫu) bàn giao mẫu và các yêu cầu kiểm nghiệm như sau:

Đoàn điều tra (Bên giao mẫu):

Đại diện là:

Cơ quan kiểm nghiệm (Bên nhận mẫu):

Đại diện là:

TT	Tên mẫu	Tên cơ sở và địa chỉ lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Chỉ tiêu kiểm nghiệm

Biên bản được lập thành 02 bản, Đoàn điều tra giữ 01 bản, đơn vị kiểm nghiệm giữ 01 bản.

Đại diện Đoàn/Tổ điều tra**Đại diện cơ quan kiểm nghiệm**

Mẫu 5A - Báo cáo ban đầu vụ ngộ độc thực phẩm

Đơn vị: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO BAN ĐẦU VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Kính gửi:

1	Địa điểm, địa chỉ xảy ra vụ NĐTP				
2	Thời gian xảy ra vụ NĐTP (thời gian ca mắc đầu tiên) giờ, ngày tháng năm 20.....			
3	Loại hình xảy ra vụ NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	1. Gia đình		2. Nhà hàng	
		3. Bếp ăn tập thể		4. Khách sạn	
		5. Đám cưới/giỗ		6. Bếp ăn trường học	
		7. Thức ăn đường phố		8. Khác (ghi rõ)	
4	Triệu chứng lâm sàng (ghi triệu chứng chính của bệnh nhân)				
5	Tác nhân nghi ngờ gây ra NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Vi sinh	Hóa chất	Độc tố tự nhiên	Chưa xác định
6	Bữa ăn nghi ngờ gây ra NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Sáng	Trưa	Chiều	Khác (ghi rõ)
7	Thức ăn nghi ngờ gây ra vụ NĐTP (ghi tên cụ thể thức ăn nghi ngờ)				
8	Số người liên quan đến vụ NĐTP (ghi số lượng người vào ô tương ứng)	1. Số người mắc			
		2. Số người chết			
9	Lấy mẫu (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Có		Không	
	a) Mẫu thực phẩm				
	b) Mẫu bệnh phẩm				

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 5B - Báo cáo kết thúc vụ ngộ độc thực phẩm

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

BÁO CÁO KẾT THÚC VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Kính gửi:

1	Địa điểm, địa chỉ xảy ra vụ NĐTP				
2	Thời gian xảy ra vụ NĐTP (thời gian ca mắc đầu tiên) giờ, ngày tháng năm 20...			
3	Số người NĐTP (ghi số lượng người vào ô tương ứng)	1. Số người mắc			
		2. Số người chết			
4	Loại hình xảy ra vụ NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	1. Gia đình		2. Nhà hàng	
		3. Bếp ăn tập thể		4. Khách sạn	
		5. Đám cưới/giỗ		6. Bếp ăn trường học	
		7. Thức ăn đường phố		Khác	
5	Thức ăn nguyên nhân (có thể chọn 1 hoặc nhiều loại thức ăn)	1. Thịt hoặc sản phẩm từ thịt			
		2. Cá hoặc sản phẩm từ cá		7. Nước giải khát	
		3. Trứng hoặc sản phẩm từ trứng		8. TP chế biến hỗn hợp	
		4. Ngũ cốc hoặc sản phẩm từ ngũ cốc		9. Rượu	
		5. Sữa hoặc sản phẩm từ sữa		10. Thức ăn khác (ghi rõ)	
6	Tác nhân gây NĐTP (đánh dấu X ô tương ứng)	Vi sinh	Hóa chất	Độc tố tự nhiên	
7	Nguyên nhân NĐTP (ghi rõ kết quả kiểm nghiệm phát hiện nguyên nhân trong mẫu thực phẩm)				Không xác định nguyên nhân (đánh dấu X ô tương ứng)
8	Thời gian kết thúc vụ NĐTP (thời gian ca mắc cuối cùng) giờ, ngày tháng năm			
9	Vụ NĐTP có từ 30 người mắc trở lên (đánh dấu X)				

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

